

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Tường An, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ tại thôn Tường An, xã Mỹ Quang và khu phố Diêm Tiêu, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ của Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển kho bãi Nhơn Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2340/STNMT-CCBVMT ngày 11/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Tường An, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ của Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển kho bãi Nhơn Tân;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Tường An, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 18/CV-NT ngày 18/9/2024 của Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển kho bãi Nhơn Tân;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1157/TTr-STNMT ngày 27/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Tân Tường An, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển kho bãi Nhơn Tân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Tường An, xã Mỹ Quang và khu phố Diêm Tiêu, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Phù Mỹ;
- CVP UBND tỉnh;
- UBND thị trấn Phù Mỹ;
- UBND xã Mỹ Quang;
- Lưu: VT, K4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP TÂN TƯỜNG AN, XÃ MỸ QUANG, HUYỆN PHÙ MỸ CỦA CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KHO BÃI NHƠN TÂN TẠI THÔN TƯỜNG AN, XÃ MỸ QUANG VÀ KHU PHỐ DIÊM TIÊU, THỊ TRẤN PHÙ MỸ, HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Tường An, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ.
- Địa điểm thực hiện: Thôn Tường An, xã Mỹ Quang và khu phố Diêm Tiêu, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển kho bãi Nhơn Tân.
- Địa điểm liên hệ: Thôn Nam Tượng 1, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Cụm công nghiệp Tân Tường An được thành lập ngày 19/6/2023 theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND của UBND tỉnh và được phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 06/02/2024.
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển kho bãi Nhơn Tân được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Tường An, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ, mã số dự án: 2326870010, chứng nhận lần đầu ngày 06/7/2023.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích dự án: 503.590 m².
- Cơ cấu sử dụng đất như sau:

| Stt | Loại đất | Quy hoạch | |
|-----|---|-----------------------------|-----------|
| | | Diện tích (m ²) | Tỷ lệ (%) |
| I | Đất xây dựng Cụm công nghiệp | 495.734 | 98,44 |
| 1 | Đất xây dựng Nhà máy | 369.157 | 74,5 |
| a | Đất chế biến nông lâm sản (Khu A) | 215.718 | |
| b | Đất sản xuất các ngành nghề may mặc (Khu B) | 64.614 | |

| Stt | Loại đất | Quy hoạch | |
|-----------|---|--------------------------------|--------------|
| | | Diện tích (m ²) | Tỷ lệ (%) |
| c | Đất sản xuất các ngành nghề cơ khí, xây dựng (Khu C) | 88.825 | |
| 2 | Đất cây xanh | 50.574 | 10,2 |
| 3 | Đất hạ tầng kỹ thuật + Nhà điều hành | 23.228 | 4,69 |
| 4 | Đất giao thông | 52.775 | 10,65 |
| II | Đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật | 7.856 | 1,56 |
| 1 | Đất hoàn trả kênh mương thủy lợi | 2.014 | |
| 2 | Đất đấu nối giao thông với đường Đông Tây | 5.842 | |
| | Tổng cộng | 503.590 | 100 |

- Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm II, mục số 5 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường nên thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: hạng mục giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; khai thác nguyên liệu phục vụ thi công hạ tầng Cụm công nghiệp.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình

- Các hạng mục công trình chính: San nền, phân lô đất cơ sở sản xuất công nghiệp (gồm 12 lô đất); hệ thống giao thông; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải; trạm xử lý nước thải tập trung với công suất 600 m³/ngày.đêm (giai đoạn 1: công suất 300 m³/ngày.đêm; giai đoạn 2: nâng công suất lên 600 m³/ngày.đêm); hồ phòng ngừa sự cố dung tích 1.200 m³; khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường diện tích 7,5 m², chất thải nguy hại diện tích 7,5 m²; hệ thống cây xanh.

- Các công trình phụ trợ: nhà điều hành, công, tường rào, sân đường nội bộ,...

1.3.2. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp (theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh Bình Định): Chế biến nông lâm sản xuất khẩu (trừ chế biến tinh bột sắn); sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí sửa chữa, may mặc; trong đó, ưu tiên các ngành nghề sản xuất, chế biến ít gây ô nhiễm

môi trường và sản xuất các sản phẩm làng nghề đặc trưng của địa phương.

1.3.3. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.
- Hoạt động lưu chứa tạm thời và đưa đất, đá thừa ra khỏi công trình.
- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.
- Hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp.
- Hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung.

1.3.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích 16.466,2 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động phát quang tại khu vực thực hiện Dự án phát sinh chất thải rắn thông thường.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thi công, phế thải và hoạt động thi công phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực.

- Hoạt động bóc lớp đất bề mặt diện tích đất trồng lúa trong phạm vi Dự án phát sinh bùn, đất hữu cơ.

- Hoạt động lưu chứa tạm thời và đưa đất, đá thừa ra khỏi công trình phát sinh bụi, ồn, nước mưa cuốn trôi đất đá trên bề mặt,...

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 50,36 ha đất (Bao gồm: đất ở đô thị, đất vườn, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất bằng chưa sử dụng, đất nghĩa trang, đất ở nông thôn, đất trồng lúa, đất giao thông, đất thủy lợi) có khả năng gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của người dân và ảnh hưởng hệ sinh thái cũng như điều kiện vi khí hậu của khu vực.

2.2. Giai đoạn hoạt động

- Hoạt động của khu nhà điều hành và các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,...

- Hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh mùi hôi, bùn thải, tiếng ồn, độ rung...

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông.

- Hoạt động nạo vét, duy tu, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 2,25 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N,P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công, đặc biệt là giai đoạn khai thác đất, đá thừa. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của nhà điều hành và các Nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh với lưu lượng khoảng 600 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, COD, Amoni (tính theo N), tổng N, tổng P, Coliform, các chỉ tiêu kim loại nặng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, khai thác đất, thi công các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật, vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động:

- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp (có lưu lượng và thành phần phụ thuộc ngành nghề sản xuất).

- Mùi hôi, khí thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng: NH₃, H₂S, CH₃SH, CH₄.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong Cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, phát quang cây cối, thực bì khoảng 10 tấn trong toàn bộ thời gian thi công. Thành phần chủ yếu gồm: cỏ, lá, gốc cây, thân cành,...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 1.000 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: đất đá, gạch vỡ, cát, sắt thép vụn...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 34,25 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Đất, đá thừa từ quá trình đào đắp san gạt mặt bằng phát sinh khoảng 342.738,85 m³; đất hữu cơ từ quá trình bóc tách tầng mặt đất trồng lúa ước tính khoảng 3.293 m³.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động tại khu nhà điều hành của Cụm công nghiệp với khối lượng khoảng 10,26 kg/ngày; chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các nhà máy thứ cấp. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Bùn thải phát sinh từ nạo vét, khơi thông kênh mương thoát nước khoảng 53 kg/năm.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động khu điều hành dịch vụ và trạm xử lý nước thải tập trung ước tính khoảng 30 kg/năm. Thành phần chủ yếu: giấy vụn, bao bì carton,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào ngành nghề của các dự án đầu tư thứ cấp.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 205 kg trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của nhà điều hành và Trạm xử lý nước thải tập trung với khối lượng khoảng 20 kg/năm. Thành phần chủ yếu là pin thải, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì đựng hóa chất,...

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung khoảng 90 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp

trong Cụm công nghiệp, khối lượng và thành phần phụ thuộc vào ngành nghề sản xuất của các dự án.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công:

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chuyển đất thừa ra ngoài công trình; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn vận hành:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp.

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung, máy phát điện.

3.3. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác tác động đến kinh tế của người dân và hệ sinh thái khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

- Hoạt động hoàn trả tuyến kênh thủy lợi có khả năng gây gián đoạn nguồn nước tưới tiêu của khu vực.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom và xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: tạo các rãnh thu nước, tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn, được thu gom và lắng cặn tại các hố lắng, sau đó được tái sử dụng tối đa cho quá trình xây dựng, tưới ẩm đường và khu vực thi công, không thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công tránh gây ngập úng cục bộ; bố trí các gờ giảm tốc để hạn chế sa bồi, sạt lở.

b) Giai đoạn vận hành:

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Tất cả các tuyến cống thoát nước mưa được đặt một phía bên đường, phía còn lại sẽ được thu gom nước bằng hệ thống cống D400 đầu qua đường; các tuyến cống trên vỉa hè sử dụng cống BTLT-H10, các tuyến cống dưới lòng đường sử dụng cống BTLT-H30. Toàn bộ mạng lưới thoát nước sử dụng hệ thống cống ngầm có tiết diện D600, D800, D1000, D1500 và mương hở B=600, B800 chạy quanh ranh quy hoạch, dọc chân taluy phía Tây và phía Đông khu đất xây dựng để đưa nước mưa về 02 cửa xả phía Tây Nam và Đông Nam của dự án.

- Nước thải sinh hoạt và và sản xuất của các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ thứ cấp trong CCN sau khi được xử lý cục bộ (đạt cột B-QCVN 40:2011/BTNMT hoặc theo thỏa thuận với Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển kho bãi Nhơn Tân), được đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp (nằm phía Đông Nam dự án) để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$ - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đầu nối về mương đất thoát nước hiện trạng.

- Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp đầu tư như sau:

+ Giai đoạn 1: Xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 300m³/ngày.đêm (hoàn thành trong giai đoạn đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp).

+ Giai đoạn 2: Nâng công suất Trạm xử lý nước thải tập trung lên 600m³/ngày.đêm. (khi công suất nước thải tại Trạm xử lý nước thải giai đoạn 1 đạt 80% công suất thiết kế).

+ Cả 02 giai đoạn có cùng công nghệ xử lý với sơ đồ công nghệ như sau: Nước thải (sau khi xử lý sơ bộ tại các Nhà máy thứ cấp) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Cụm bể keo tụ tạo bông → Bể lắng lý hóa → Bể sinh học thiếu khí (Bể anoxic) → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận là mương hiện trạng (Nước thải sau xử lý đạt cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1,1$ QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp) (Tọa độ điểm xả thải: X(m) = 1.569.087; Y(m)=587.969, theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến 108⁰15').

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải thi công xây dựng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom và hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$ trước khi thải ra mương đất hiện trạng. Không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự cố với trạm xử lý nước

thải tập trung hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

- Vị trí xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung phải bảo đảm khoảng cách đến khu vực sinh sống của người dân theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị lấy và lưu mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường để giám sát theo quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công:

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công, các tuyến đường vận chuyển đất, đá thừa từ dự án đến công trình san lấp và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rời vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động các dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp sẽ được thu gom, xử lý tại các Nhà máy.

- Thực hiện vệ sinh, phun, tưới nước cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khuôn viên Khu công nghiệp với tần suất từ 2 ÷ 3 lần/ngày (trừ những ngày mưa).

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ Cụm công nghiệp.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Trồng cây xanh trong phạm vi cụm công nghiệp trong với quá trình thi công xây dựng hạ tầng, đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch phê duyệt là 50.574 m² (10,2%); đảm bảo dải cây xanh cách ly xung quanh Cụm công nghiệp với chiều rộng tối thiểu 10 m và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp theo đúng quy định.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 1,0, Kv = 1,0) và

QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công:

- Toàn bộ bùn, đất hữu cơ từ hoạt động bóc bề mặt diện tích đất trồng lúa trong phạm vi Dự án được tập kết tại các khu vực quy hoạch trồng cây xanh và tận dụng toàn bộ vào mục đích trồng cây trong khuôn viên Dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải xây dựng được tận dụng vào mục đích san nền trong phạm vi Dự án; tận dụng một phần phế thải có khả năng tái chế (vụn sắt thép, bao bì xi măng,...) để bán cho đơn vị có chức năng tái chế. Phần không thể tận dụng được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với đất thừa phát sinh từ hoạt động đào đắp (khoảng 342.738,85m³) phải thực hiện các thủ tục pháp lý về khai thác khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến khối lượng vận chuyển đất ra khỏi khu vực dự án theo quy định về quản lý tài nguyên khoáng sản.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Bố trí các thùng rác có nắp đậy, thu gom và tập kết về khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 7,5 m² tại Nhà điều hành phía Đông Nam dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; định kỳ vệ sinh, quét dọn các tuyến đường nội bộ và kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước mưa, đặc biệt là trước mùa mưa bão.

- Các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh chất thải rắn thông thường tự hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TTBTNTM).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công:

Bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích 120 lít/thùng có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để thu gom, phân loại và lưu chất thải nguy hại trong các thùng riêng biệt. Các thùng được lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích khoảng 10 m² bố trí trong khuôn viên công trường thi công. Định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Xây dựng 01 khu vực chứa chất thải nguy hại diện tích 7,5 m² có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án để chứa chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thuộc phạm vi của Chủ dự án; bố trí 04 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích 240 lít và 01 can 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải nguy hại từ hoạt động của Nhà điều hành và Trạm xử lý nước thải tập trung; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh chất thải nguy hại tự hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

a) Giai đoạn thi công

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Sử dụng các thiết bị thi công đăng kiểm đảm bảo.
- Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị thi công.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h đến 6h sáng hôm sau.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của Trạm xử lý nước thải.
- Các dự án đầu tư thứ cấp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất trồng lúa

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật; nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.
- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường giai đoạn thi công, xây dựng

a) Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

b) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

Xây dựng nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

c) Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với hoạt động hạ cos làm mặt bằng:

- Thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước mưa.
- Tuân thủ quy trình, phạm vi thi công xây dựng.
- Cắm các biển cảnh báo nguy hiểm cho người dân được biết tránh đến gần khu vực thi công.
- Khi sự cố xảy ra lập tức dừng mọi hoạt động thi công xây dựng, báo động sự cố cho toàn khu vực dự án; di dời lao động, thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân và triển khai khắc phục sự cố. Đồng thời, báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường giai đoạn vận hành

a) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố Trạm xử lý nước thải tập trung:

- Xây dựng Hồ phòng ngừa sự cố với thể tích 1.200 m³, dạng hình chóp cụt với kích thước LxB (41,0 x 22,0)m; kích thước đáy bể LxB (35,0x16,0)m, sâu 2,5m. Xung quanh miệng bể xây dựng tường chắn bảo vệ cao 1,0m, dày 200mm bằng gạch xi măng cốt liệu không nung, vữa xi măng B5 (M75). Hồ sự cố đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng và được xây dựng cùng thời gian xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung. Hồ sự cố luôn để trống sẵn sàng chứa nước thải khi có sự cố xảy ra. Trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được lưu giữ tại hồ sự cố sau đó bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung (sau khi khắc phục sự cố) để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể của trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án.

b) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phải áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải theo nội dung hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

c) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước:

Không xây dựng các công trình trên tuyến đường ống nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín của tất cả các tuyến ống, các ống thu gom nước thải sử

dụng ống HDPE có độ bền cao, các ống thu gom nước mưa, nước thải qua đường được lồng trong ống thép.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc:

+ KK1: Mẫu không khí tại khu vực xây dựng dự án. Tọa độ: X(m)= 1.569.879; Y(m)= 588.036 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ KK2: Mẫu không khí tại khu vực tiếp giáp với khu dân cư phía Bắc dự án. Tọa độ: X(m)= 1.570.302, Y(m)= 588.295 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ KK3: Mẫu không khí tại khu vực tiếp giáp với khu dân cư phía Tây dự án. Tọa độ: X(m)= 1.569.810, Y(m)= 587.711 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

- Thông số quan trắc: tiếng ồn, bụi.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

Giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải

a. Quan trắc tự động nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương quan trắc của Trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ điểm xả: X= 1.569.087; Y= 587.969 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Tần suất giám sát: Tự động, liên tục.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A), hệ số Kq = 0,9 và Kf = 1,1.

b. Quan trắc định kỳ nước thải

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí cửa xả ra ngoài môi trường của Trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ điểm xả: $X= 1.569.087$; $Y= 587.969$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần;

- Thông số giám sát: thực hiện theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A), hệ số $Kq = 0,9$ và $Kf = 1,1$ (trừ các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A), hệ số $Kq = 0,9$ và $Kf = 1,1$.

c. Giám sát nước thải khi trạm quan trắc tự động, liên tục gặp sự cố

Trong thời gian thiết bị quan trắc tự động ngừng hoạt động từ 48 giờ trở lên, Chủ dự án thực hiện quan trắc theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Cụ thể như sau:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí cửa xả ra ngoài môi trường của Trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ điểm xả: $X= 1.569.087$; $Y=587.969$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni (kết quả quan trắc phải được lưu giữ và gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Tần suất giám sát: 1 ngày/lần (cho tới khi thiết bị quan trắc nước thải liên tục, tự động hoạt động trở lại).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A), hệ số $Kq = 0,9$ và $Kf = 1,1$.

5.2.2. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại Mục 1.3.2 của Quyết định này; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án và các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp vào Cụm công nghiệp, đảm bảo việc tiếp nhận cơ sở, dự án đầu tư mới hoặc nâng công suất cơ sở, dự án đầu tư đang hoạt động có phát sinh nước thải vào Cụm công nghiệp phải phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Xây dựng phương án điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; xây dựng phương án cải tạo, hoàn trả công trình thủy lợi trong phạm vi Dự án theo quy định; áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo hoạt động của Dự án không ảnh hưởng tới cảnh quan, môi trường, hoạt động kinh doanh, sản xuất nông nghiệp của người dân khu vực Dự án.

- Thực hiện phân khu chức năng trong Cụm công nghiệp phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp có diện tích cây xanh và khoảng cách an toàn môi trường theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng; không bố trí quy hoạch các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp có hoạt động phát sinh bụi, mùi khó chịu hoặc tiếng ồn cao tại vị trí gần khu dân cư và đường giao thông.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ Dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện Dự án đầu tư chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước; xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; thực hiện công khai kết quả quan trắc nước thải tự động liên tục và kết quả quan trắc nước thải định kỳ của Dự án theo quy định.

- Lập hồ sơ xin cấp phép môi trường và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; bố trí ít nhất một nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm; tiếp nhận báo cáo

công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.